

**KẾT QUẢ**  
**KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)**  
**(Đợt 04 năm 2026, 25/4/2026)**  
**(Ban hành theo Quyết định số 2289/MYH26/VHU/QĐ ngày 4 tháng 6 năm 2026)**

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.04.001	211A140217	Trần Lan	Anh	05/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	8.7	7.8	7.0	29.5	7.4	Đậu	
2	VHU.TAC1.04.002	211A140425	Nguyễn Trịnh Châu	Anh	04/10/2003	Quảng Ngãi	6.0	7.3	6.7	6.5	26.5	6.6	Đậu	
3	VHU.TAC1.04.003	211A140289	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	06/04/2003	Thành phố Đồng Nai	5.0	7.1	1.4	0.9	14.4	3.6	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0; Nghe: 7.1 Trừ 50% điểm Kỹ năng Đọc - Viết
4	VHU.TAC1.04.004	191A140238	Trần Thành	Đạt	25/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
5	VHU.TAC1.04.005	211A140079	Lê Ngọc	Hân	26/04/2003	Vĩnh Long	6.5	2.3	4.3	3.5	16.6	4.2	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.5
6	VHU.TAC1.04.006	221A140144	Huỳnh Ngọc	Hân	27/12/2004	Tây Ninh	6.0	6.1	4.3	4.8	21.2	5.3	Đậu	
7	VHU.TAC1.04.007	201A140258	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15/12/2002	Lâm Đồng	5.0	8.3	2.2	5.0	20.5	5.1	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0
8	VHU.TAC1.04.008	211A140164	Lê Thị Diễm	Hoà	02/08/2003	Lâm Đồng	5.5	4.5	5.0	3.0	18.0	4.5	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.5; Đọc: 5.0
9	VHU.TAC1.04.009	211A140469	Ngô Tuấn	Huy	31/07/2003	Tây Ninh	6.5	7.3	6.4	5.0	25.2	6.3	Đậu	
10	VHU.TAC1.04.010	221A140479	Lê Thị Mỹ	Kim	07/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	7.6	7.0	5.5	28.1	7.0	Đậu	
11	VHU.TAC1.04.011	221A140059	Trần Thị Mỹ	Kim	26/01/2004	Thành phố Đồng Nai	6.0	4.3	2.8	2.5	15.6	3.9	Rớt	
12	VHU.TAC1.04.012	181A140436	Nguyễn Thị Thu	Liên	06/06/2000	Đắk Lắk	5.5	5.8	5.0	2.8	19.1	4.8	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.5; Nghe: 5.8; Đọc: 5.0
13	VHU.TAC1.04.013	221A140339	Ngô Thị	Lợi	05/04/2004	Gia Lai	6.0	6.8	6.6	5.0	24.4	6.1	Đậu	
14	VHU.TAC1.04.014	221A140492	Nguyễn Ngọc Phương	Ly	29/02/2004	An Giang	5.0	1.7	2.2	1.8	10.7	2.7	Rớt	
15	VHU.TAC1.04.015	191A140041	Hồ Nguyễn Ngọc	Mẫn	03/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	1.0	3.1	1.5	11.1	2.8	Rớt	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
16	VHU.TAC1.04.016	211A140275	Lê Quỳnh Diễm	My	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	2.8	4.8	3.5	17.1	4.3	Rớt	
17	VHU.TAC1.04.017	191A140139	Nguyễn Thị Kiều	Nga	12/03/2001	Đắk Lắk	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
18	VHU.TAC1.04.018	221A140143	Nguyễn Thị Bích	Ngân	21/10/2004	Lâm Đồng	7.0	7.8	4.5	3.5	22.8	5.7	Đậu	
19	VHU.TAC1.04.019	201A140135	Hồ Thị Kim	Ngân	04/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	6.1	3.6	3.3	18.5	4.6	Rớt	
20	VHU.TAC1.04.020	211A140146	Phạm Ngọc Bích	Ngân	03/12/2003	Cà Mau	7.0	3.6	1.4	1.8	13.8	3.5	Rớt	Bảo lưu: Nói: 7.0
21	VHU.TAC1.04.021	191A140074	Trần Phương	Ngân	02/09/2001	Hưng Yên	5.0	2.8	2.8	1.5	12.1	3.0	Rớt	
22	VHU.TAC1.04.022	221A140061	Trần Thị Bảo	Ngọc	26/1/2004	Thành phố Đồng Nai	5.0	3.6	2.4	2.0	13.0	3.3	Rớt	
23	VHU.TAC1.04.023	201A140289	Nguyễn Phạm Yến	Nhi	30/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	1.7	3.1	2.5	13.3	3.3	Rớt	
24	VHU.TAC1.04.024	201A140089	Ngô Ngọc Quyên	Nhi	06/08/2002	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
25	VHU.TAC1.04.025	211A140305	Nguyễn Cao Quỳnh	Như	21/08/2003	Lâm Đồng	6.5	7.6	6.2	5.5	25.8	6.5	Đậu	
26	VHU.TAC1.04.026	221A140552	Trương Thị Thu	Oanh	02/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	6.6	6.0	3.0	20.6	5.2	Đậu	
27	VHU.TAC1.04.027	211A030806	Nguyễn Trương Bình	Phú	26/09/2003	Quảng Ngãi	6.0	2.1	1.5	3.5	13.1	3.3	Rớt	
28	VHU.TAC1.04.028	221A140328	Lê Ngọc	Thảo	21/05/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.0	5.4	4.8	4.5	21.7	5.4	Đậu	
29	VHU.TAC1.04.029	221A140468	Lê Thị Thu	Thảo	20/11/2004	Gia Lai	6.0	7.6	4.1	3.0	20.7	5.2	Đậu	
30	VHU.TAC1.04.030	221A140504	Trần Thị Minh	Thư	03/10/2004	Cà Mau	5.5	4.8	3.6	2.5	16.4	4.1	Rớt	
31	VHU.TAC1.04.031	221A140203	Trần Thị Thanh	Thư	13/11/2004	Khánh Hòa	6.0	6.8	4.9	3.0	20.7	5.2	Đậu	
32	VHU.TAC1.04.032	221A140469	Hồ Thị Hoa	Tiên	23/09/2004	Gia Lai	6.0	7.3	4.1	2.0	19.4	4.9	Rớt	
33	VHU.TAC1.04.033	218A140005	Nguyễn Thành	Trí	05/02/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
34	VHU.TAC1.04.034	221A140573	Lê Thị Hồng	Trinh	05/11/2004	Khánh Hòa	5.0	3.6	2.5	0.8	11.9	3.0	Rớt	
35	VHU.TAC1.04.035	171A140060	Nguyễn Quang	Trường	14/12/1998	Thành phố Hải Phòng	7.0	4.0	4.2	3.5	18.7	4.7	Rớt	
36	VHU.TAC1.04.036	211A140215	Nguyễn Hồ Khả	Tú	27/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	4.8	3.1	4.0	17.9	4.5	Rớt	
37	VHU.TAC1.04.037	201A140358	Nguyễn Võ Minh	Tú	25/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8.5	5.3	5.9	3.5	23.2	5.8	Đậu	
38	VHU.TAC1.04.038	221A140261	Huỳnh Gia	Tuệ	04/07/2004	Vĩnh Long	6.0	1.5	2.2	1.3	11.0	2.8	Rớt	
39	VHU.TAC1.04.039	211A140276	Nguyễn Ngọc Khánh	Tường	23/10/2003	Vĩnh Long	4.0	0.9	1.9	1.3	8.0	2.0	Rớt	Trừ 50% điểm Kĩ năng Nghe - Đọc - Viết
40	VHU.TAC1.04.040	211A140395	Nguyễn Thị Tường	Vi	19/01/2003	Cà Mau	6.5	4.3	2.2	2.5	15.5	3.9	Rớt	
41	VHU.TAC1.04.041	141A140184	Nguyễn Trần Thảo	Vy	01/01/1995	Đắk Lắk	7.0	5.6	5.3	4.1	22.0	5.5	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
42	VHU.TAC1.04.042	221A140508	Nguyễn Hân	Yến	22/10/2004	Vĩnh Long	6.0	5.0	5.3	3.8	20.1	5.0	Đậu	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 42

Số thí sinh dự kiểm tra: 38

Số thí sinh vắng kiểm tra: 04

Số thí sinh đậu: 15

Số thí sinh rớt: 23

**TUQ. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

*(Đã ký)*

**PGS. TS. TRẦN HUY HOÀNG**